

Bản án số: 34/2024/HS-ST  
Ngày 08-4-2024

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nông Biên Hòa

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đàm Văn Hữu

Ông Đinh Công Hoạt

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nông Thị Biền, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Thanh, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 23/2024/TLST-HS ngày 29 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 180/2024/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 03 năm 2024 đối với bị cáo:

**Mã Thị M** (tên gọi khác: Không); sinh ngày 20 tháng 10 năm 1970 tại xã C, huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

Nơi cư trú: **Tổ A, phường N, thành phố C, tỉnh Cao Bằng**; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Mã Kiến X** (Đã chết) và bà **Bé Thị N** (Đã chết); có chồng là **Hoàng Văn T** sinh năm 1966, có 1 con sinh năm 1991; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: tốt.

Bị cáo đang được tại ngoại. (Có mặt)

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông **Nông Văn D**, sinh năm 1985; Trú tại: **Tổ C, phường T, thành phố C, tỉnh Cao Bằng**; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bà **Hà Ngọc A**, sinh năm 1992; Trú tại: **Tổ A, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng**; có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 14/12/2023, Phòng C Công an tỉnh C nhận được Đơn tố giác của ông Nông Văn D (sinh năm 1985, trú tại: tổ C, phường T, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) tố giác bà Mã Thị M (sinh năm 1970, trú tại: tổ A, phường N, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) có hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự và đề nghị xử lý Mã Thị M theo quy định của pháp luật.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiếp nhận tố giác về tội phạm và tiến hành điều tra, xác minh theo quy định, triệu tập Mã Thị M và những người vay tiền với M để làm rõ hành vi cho vay lãi nặng, đồng thời thu thập tài liệu, chứng cứ, xác định từng khoản vay, thời gian, lãi suất và có kết quả như sau:

Từ năm 2022 đến năm 2023, Mã Thị M, sinh năm 1970, trú tại tổ A, phường N, thành phố C, tỉnh Cao Bằng có hoạt động cho nhiều người tại thành phố C, tỉnh Cao Bằng vay tiền với lãi suất cao từ 3.000đồng/1.000.000đồng/ngày đến 5.000đồng/1.000.000đồng/ngày, với mục đích nhằm thu lợi bất chính. Hình thức vay tiền gồm chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng hoặc đưa tiền mặt và có viết giấy vay tiền, các khách vay gồm:

**1. Nông Văn D:** sinh năm 1985, trú tại: tổ C, phường T, thành phố C, tỉnh Cao Bằng vay tiền với M 02 (hai) lần, lãi suất thỏa thuận 4.000đồng/1.000.000đồng/ngày. Hình thức vay chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng và có viết giấy vay tiền, khi vay chỉ có M với D biết. Diệm sử dụng số tài khoản 8300205110077 của Ngân hàng A1 và 33010000548240 của Ngân hàng B, M sử dụng số tài khoản 8314205298566 của ngân hàng A1. Cụ thể:

- Lần 1: ngày 28/11/2022, D vay M số tiền là 80.000.000đồng (tám mươi triệu đồng). Ngày 28/12/2022, D chuyển khoản trả tiền lãi cho M số tiền 9.600.000đồng (chín triệu sáu trăm nghìn đồng), số tiền gốc chưa trả. Như vậy trong thời gian 31 ngày M đã nhận số tiền lãi của D là 9.600.000đồng. Tổng số tiền vay là 80.000.000đồng, tức là mỗi ngày D đã trả số tiền là 309.677đồng/ngày, lãi suất thực tế là 3,871đồng/1.000.000đồng/ngày = 141,3%/năm > 20%/năm lãi suất cho phép, gấp 7,1 lần. Số tiền lãi được phép là 1.359.000đồng, số tiền thu lợi bất chính của M là 8.241.000đồng.

- Lần 2: ngày 24/12/2022, D tiếp tục vay M số tiền 30.000.000đồng (ba mươi triệu đồng). Như vậy tổng số tiền D vay M là 110.000.000đồng (một trăm mười triệu đồng). Với khoản vay này số tiền lãi, tiền gốc D trả cho M như sau:

+ Từ ngày 24/12/2022 đến ngày 30/3/2023, **D** chuyển khoản trả tiền lãi cho **M** số tiền 39.520.000đồng (ba mươi chín triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng) và tiền gốc là 30.000.000đồng (ba mươi triệu đồng). Số tiền gốc **D** còn nợ **M** là 80.000.000đồng (tám mươi triệu đồng). Như vậy trong thời gian 97 ngày, **M** đã nhận số tiền lãi của **D** là 39.520.000đồng. Tổng số tiền vay là 110.000.000đồng, tức là mỗi ngày **D** đã trả số tiền là 407.423đồng/ngày, lãi suất thực tế là  $3,704\text{đồng}/1.000.000\text{đồng}/\text{ngày} = 135,2\%/năm > 20\%/năm$  lãi suất cho phép, gấp 6,8 lần. Số tiền lãi được phép là 5.847.000đồng, số tiền thu lợi bất chính của **M** là 33.673.000đồng.

+ Từ ngày 30/3/2023 đến 01/8/2023, **D** chuyển khoản trả tiền lãi cho **M** số tiền 39.400.000đồng (ba mươi chín triệu bốn trăm nghìn đồng) và tiền gốc là 80.000.000đồng (tám mươi triệu đồng). Kết thúc khoản vay. Như vậy trong thời gian hơn 04 tháng (125 ngày) **M** đã nhận số tiền lãi của **D** là 39.400.000đồng/tổng số tiền vay là 80.000.000đồng, tức là mỗi ngày **D** đã trả số tiền là 315.200đồng/ngày, lãi suất thực tế là  $3,940\text{đồng}/1.000.000\text{đồng}/\text{ngày} = 143,8\%/năm > 20\%/năm$  lãi suất cho phép, gấp 7,2 lần. Số tiền lãi được phép là 5.480.000đồng, số tiền thu lợi bất chính của **M** là 33.920.000đồng.

Đối với khoản vay trên, **M** đã cho **D** vay tổng số tiền là 110.000.000đồng (một trăm mười triệu đồng), tiền lãi **M** đã nhận là 88.520.000đồng (tám mươi tám triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng), tổng số tiền thu lợi bất chính mà **M** đã nhận là 75.834.000đồng (bảy mươi năm triệu tám trăm ba mươi bốn nghìn đồng).

**2. Hà Ngọc A:** sinh năm 1992, trú tại: **tổ A, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng** vay tiền với **M** 01 (một) lần, lãi suất thỏa thuận 5.000đồng/1.000.000đồng/ngày. Hình thức vay chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng và có viết giấy vay tiền, khi vay chỉ có **M** với **Ngọc A** biết. **Ngọc A** sử dụng số tài khoản 8314205263917 mở tại **Ngân hàng A1** và số 0984088792 mở tại **Ngân hàng M1**, **M** sử dụng số tài khoản 8314205298566 mở tại **Ngân hàng A1**. Cụ thể:

- Ngày 26/11/2022, **Ngọc A** vay **M** số tiền là 20.000.000đồng (hai mươi triệu đồng).

- Từ ngày 26/11/2022 đến ngày 09/01/2023, **Ngọc A** chuyển khoản trả lãi cho **M** số tiền là 4.000.000đồng (bốn triệu đồng) và trả gốc số tiền là 20.000.000đồng (hai mươi triệu đồng). Kết thúc khoản vay. Như vậy trong thời gian 45 ngày, **M** đã nhận số tiền lãi của **Ngọc A** là 4.000.000đồng. Tổng số tiền vay là 20.000.000đồng, tức là mỗi ngày **Ngọc A** đã trả số tiền là 88.888đồng/ngày, lãi suất thực tế là  $4,444\text{đồng}/1.000.000\text{đồng}/\text{ngày}$

=162,2%/năm > 20%/năm lãi suất cho phép, gấp 8,1 lần. Số tiền lãi được phép là 493.000đồng, số tiền thu lợi bất chính của **M** là 3.507.000đồng.

Đối với khoản vay trên, **M** đã cho **Ngọc A** vay số tiền là 20.000.000đồng (hai mươi triệu đồng), tiền lãi **M** đã nhận là 4.000.000đồng (bốn triệu đồng), số tiền thu lợi bất chính **M** nhận là 3.507.000đồng (ba triệu năm trăm linh bảy nghìn đồng).

Như vậy tổng số tiền **M** cho vay là 130.000.000đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng), thu được số tiền lãi là 92.520.000đồng (Chín mươi hai triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng). Trong đó số tiền lãi hợp pháp tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 là 13.179.000đồng (Mười ba triệu một trăm bảy mươi chín nghìn đồng). **T1** lợi bất chính số tiền là 79.341.000đồng (Bảy mươi chín triệu ba trăm bốn mươi một nghìn đồng).

Ngoài ra, từ các tài liệu thu thập được, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh C** còn xác định được một số khách vay mượn tiền với **Mã Thị M**. Tuy nhiên, với các khoản vay này không xác định được rõ ngày vay, ngày trả, không xác định được số tiền thu lợi bất chính. Do đó, không có đủ căn cứ xử lý **M** đối với những khách vay này.

Tại Cơ quan điều tra bị cáo **Mã Thị M** đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Hành vi của **Mã Thị M** đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh C** lập hồ sơ, đề nghị truy tố về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại Bản Cáo trạng số: 07/CT-VKSCB.P2 ngày 28 tháng 02 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã truy tố **Mã Thị M** về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

*Tại phiên tòa*, bị cáo **Mã Thị M** khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu ở trên và thừa nhận Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố là đúng với hành vi đã thực hiện. Về người vay, số tiền vay, số tiền lãi, số tiền trả là đúng.

*Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan khai:* Về hành vi phạm tội của bị cáo **Mã Thị M** đúng như nội dung Cáo trạng phản ánh, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết hành vi phạm tội của bị cáo và các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

Kết thúc phần xét hỏi, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội đánh giá các tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo và khẳng định quyết định truy tố đối với **Mã Thị M** về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự là có căn

cứ pháp luật và vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo về tội danh, điều luật đã viện dẫn nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố:

*Tội danh:* Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Mã Thị M phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

*Điều luật áp dụng và hình phạt:* Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Mã Thị M từ 50.000.000đồng – 60.000.000đ để nộp ngân sách Nhà nước.

*Hình phạt bổ sung:* không áp dụng

*Biện pháp tư pháp:* Bị cáo Mã Thị M phải nộp tổng số tiền 143.179.000đồng (gồm: Số tiền cho vay: 130.000.000đồng + số tiền lãi đã thu tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo đã thu của người vay là 13.179.000đồng) để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Buộc bị cáo phải trả số tiền thu lợi bất chính cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan với tổng số tiền: 79.341.000đồng (Cụ thể: trả cho Nông Văn D 75.834.000đồng; Hà Ngọc A 3.507.000đồng).

*Xử lý vật chứng :* Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự đề nghị HĐXX:

- Tịch thu hóa giá sung quỹ nhà nước: 01 điện thoại di động IPHONE 14.

- Trả lại cho bị cáo: 117.450.000đồng (Một trăm mười bảy triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) thu giữ tại nhà của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội, nhưng cần xử tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án và 01 điện thoại di động IPHONE 8 Plus.

*Về án phí:* Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Mã Thị M không có ý kiến tranh luận.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo hối hận về hành vi phạm tội mong Hội đồng xét xử xem xét được hưởng hình phạt nhẹ nhất.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người

tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội: Xét lời khai nhận tội của bị cáo **Mã Thị M** tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp nhau, phù hợp với các bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung; lời khai của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án; Trích xuất dữ liệu điện tử từ chiếc điện thoại thu giữ của bị cáo thể hiện nội dung liên quan đến hành vi bị cáo thực hiện; Bảng thống kê thu lợi bất chính có xác nhận bị cáo và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ kết luận:

Trong khoảng thời gian từ năm 2022 đến ngày 01/8/2023, **Mã Thị M** đã trực tiếp cho 02 (hai) khách vay tiền với tổng số tiền là 130.000.000đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng) với mức lãi suất là 109,5%/năm đến 182,5%/năm, vượt mức lãi suất cho phép theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 từ 5,475 lần đến 9,125 lần, thu được số tiền lãi là 92.520.000đồng (Chín mươi hai triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng), trong đó thu lợi bất chính số tiền 79.341.000đồng (Bảy mươi chín triệu ba trăm bốn mươi một nghìn đồng).

Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, động cơ phạm tội nhằm được hưởng lợi từ hành vi cho vay lãi nặng. Việc bị cáo **Mã Thị M** thực hiện hành vi cho vay lãi nặng hưởng lợi số tiền 79.341.000đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” thuộc trường hợp “Thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố bị cáo về tội danh và điều luật đã viện dẫn ở trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, cho vay tiền với lãi suất cao, hành vi đó không những đã trực tiếp xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng mà còn mang tính chất bóc lột, làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, gây mất trật tự trị an ở địa phương. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm khắc đối bị cáo để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Do vậy, việc đưa bị cáo ra truy tố, xét xử trước pháp luật là cần thiết, nhằm mục đích răn đe giáo dục riêng đối với bị cáo và phục vụ công tác đấu tranh chống tội phạm và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

*Về nhân thân:* Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự;

*Về tình tiết tăng nặng:* không có

*Về tình tiết giảm nhẹ:* Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo Mã Thị M đã tự nguyện nộp tiền tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng số tiền 10.000.000đ để khắc phục số tiền thu lợi bất chính nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt chính:

Căn cứ vào tính chất mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội bị cáo gây ra; vai trò, nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo là người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có thu nhập ổn định, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi do bản thân đã gây ra, đã tự nguyện khắc phục hậu quả, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng. Do vậy, cần áp dụng hình phạt chính là phạt tiền cũng đảm bảo tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo và cần xử bị cáo mức khởi điểm của khung hình phạt.

Xét mức hình phạt do Kiểm sát viên đề nghị đối với bị cáo là có căn cứ cần xem xét chấp nhận.

[5]. Về hình phạt bổ sung:

Khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự quy định: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”.

Xét thấy: Hội đồng xét xử đã xử phạt bị cáo hình phạt chính là phạt tiền đối với bị cáo. Do vậy, không áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung.

[6] Biện pháp tư pháp: Căn cứ vào công văn hướng dẫn số: 212/TANDTC-PC, ngày 13-9-2019 của Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự; Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20-12-2021 hướng dẫn áp dụng Điều 201 Bộ luật Hình sự về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, cần xử:

[6.1] Đối với khoản tiền bị cáo cho vay (tiền gốc):

Trong khoảng thời gian từ năm 2022 đến ngày 01/8/2023, Mã Thị M đã trực tiếp cho 02 (hai) khách vay tiền với tổng số tiền là 130.000.000đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng) với mức lãi suất là 109,5%/năm đến 182,5%/năm, vượt mức lãi suất cho phép theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 từ 5,475 lần đến 9,125 lần nên cần truy thu số tiền 130.000.000đồng là công cụ

phương tiện phạm tội để nộp vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự.

[6.2] Đối với khoản tiền lãi và khoản tiền thu lợi bất chính:

- Đối với khoản tiền lãi không vượt quá mức lãi suất 20%/năm: 13.179.000 đồng đây là khoản tiền phát sinh từ hành vi phạm tội nên cần tịch thu đối với bị cáo để nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với khoản tiền lãi suất vượt quá trên 20%/năm: Tổng số tiền 79.341.000đ đây là khoản tiền bị cáo thu lợi bất chính từ người vay nên cần xử buộc bị cáo trả khoản tiền này cho những người vay. Cụ thể:

+ Trả cho **Nông Văn D** số tiền 75.834.000đồng;

+ Trả cho **Hà Ngọc A** số tiền 3.507.000đồng;

[7]. Về xử lý vật chứng:

- Các vật chứng là điện thoại bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội, cần xử tịch thu hóa giá lấy tiền nộp ngân sách Nhà nước; điện thoại không liên quan đến hành vi phạm tội thì trả bị cáo.

- Số tiền mặt tạm giữ của bị cáo sẽ được trả cho bị cáo.

[8]. Về nghĩa vụ chịu án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH

**1. Tuyên bố:** Bị cáo **Mã Thị M** phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo **Mã Thị M** số tiền 50.000.000đồng (năm mươi triệu đồng) nộp vào ngân sách Nhà nước.

**2. Biện pháp tư pháp:** Căn cứ Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20-12-2021 hướng dẫn áp dụng Điều 201 Bộ luật Hình sự về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, xử:

- Truy thu nộp vào ngân sách Nhà nước:

+ Số tiền gốc 130.000.000đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng) do bị cáo thực hiện hành vi phạm tội.

+ Số tiền lãi suất tương ứng với lãi suất 20%/năm là 13.179.000đồng (Mười ba triệu một trăm bảy mươi chín nghìn đồng).

Tổng cộng bị cáo phải nộp số tiền: 143.179.000đồng (Một trăm bốn mươi ba triệu một trăm bảy mươi chín nghìn đồng) vào ngân sách Nhà nước.



- Buộc bị cáo phải trả cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khoản tiền thu lợi bất chính là 79.341.000đ (Bảy mươi chín triệu ba trăm bốn mươi một nghìn đồng), cụ thể:

+ Trả cho **Nông Văn D**, sinh năm 1985, **T2** tại: **Tổ C, phường T, thành phố C, tỉnh Cao Bằng** số tiền 75.834.000đồng (Bảy mươi năm triệu tám trăm ba mươi tư nghìn đồng)

+ Trả cho **Hà Ngọc A**, sinh năm 1992; Trú tại: **Tổ A, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng** số tiền 3.507.000đồng (Ba triệu năm trăm linh bảy nghìn đồng).

Xác nhận bị cáo **Mã Thị M** đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) tại biên lai thu tiền số 0000150 ngày 13/3/2024 và số tiền này sẽ được khấu trừ khi thi hành án.

**3. Việc xử lý vật chứng:** Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- *Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước đối với bị cáo:* 01 điện thoại di động IPHONE 14 được niêm phong trong 01 phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “01 điện thoại di động IPHONE 14, mặt lưng màu đỏ của **Mã Thị M**”, mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và hình dấu tròn màu đỏ của cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh C**.

- *Trả lại cho bị cáo:*

+ Số tiền **Ngân hàng N1**: 117.450.000đồng (Một trăm mười bảy triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng cần tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án. Số tiền trên đã được chuyển vào tài khoản tạm giữ của **Cục THADS tỉnh C** mở tại **K chi nhánh tỉnh C** theo giấy nộp tiền ngày 12/3/2024.

+ 01 điện thoại di động IPHONE 8 Plus được niêm phong trong 01 phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “01 điện thoại di động IPHONE 8 Plus, mặt lưng màu hồng nhạt của **Mã Thị M**”, mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và hình dấu tròn màu đỏ của cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh C**.

Xác nhận toàn bộ vật chứng nêu trên đã được chuyển giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng theo biên bản giao nhận vật chứng số: 67 ngày 13 tháng 03 năm 2024.

**4. Về án phí:**

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo **Mã Thị M** phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000đồng nộp ngân sách Nhà nước.

**5. Về quyền kháng cáo:** Căn cứ các Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Bị cáo **Mã Thị M** có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt, có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh CB;
- Phòng Cảnh sát điều tra CA tỉnh CB;
- Phòng HS Công an tỉnh CB;
- Sở Tư pháp CB;
- Cục THA dân sự tỉnh CB;
- Phòng KTNV&THA;
- Bị cáo; NTGTT;
- Lưu HS vụ án;
- Lưu tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nông Biên Hòa**